

Bản án số: 36/2018-HNGĐ- ST

Ngày: 30-5-2018

*V/v " ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn"*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN- TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Quốc Huy

2. Bà Phạm Thị Chuộng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền Lương- Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hiếu- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn,
xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 149/2018/TLST- HNGĐ ngày
19 tháng 4 năm 2018 về *" ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2018/QĐXX-ST ngày 15
tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Ngọc T, sinh năm 1991

Nơi cư trú: Phố G, thị trấn P, huyện KT, tỉnh Hải Dương

- Bị đơn: Anh Phạm Thanh B, sinh năm 1990

Nơi cư trú: Xóm N, thôn N, xã L, huyện K tỉnh Hải Dương.

Chị T có mặt; anh B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/3/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án
nguyên đơn là chị Đỗ Thị Ngọc T trình bày: Chị và anh Phạm Thanh B được tự
nguyện tìm hiểu, có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L vào ngày
14/6/2012. Sau khi kết hôn anh chị sống chung cùng bố mẹ chồng. Cuộc sống
hôn nhân chỉ vui vẻ hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn.
Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B thiếu sự quan tâm chăm sóc đến vợ con.
Trong lúc vợ chồng xảy ra mâu thuẫn anh B không kiềm chế được nóng giận

nên đã có những lời lẽ xúc phạm, chửi bới, đánh đập chị. Chị T đã cố gắng nhẫn nhịn để giữ gìn hạnh phúc gia đình nhưng anh B vẫn không thay đổi mà cuộc sống hôn nhân ngày một căng thẳng không còn hạnh phúc. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 01 năm 2017. Mặc dù anh B đã nhiều lần đến tìm gặp chị về để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn nên chị đã không quay trở về tiếp tục chung sống cùng anh nữa. Kể từ đó đến nay anh chị sống ly thân mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến ai. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh B.

Tại bản tự khai bị đơn là anh Phạm Thanh B trình bày: Anh và chị Đỗ Thị Ngọc T được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L vào ngày 14/6/2012. Sau khi kết hôn anh chị chung sống được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên có nhiều bất đồng về tính cách và quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra va chạm cãi nhau. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn anh B và chị T đều không kiềm chế được nóng giận nên đã xảy ra đánh cãi, chửi nhau. Từ khoảng giữa năm 2016 vợ chồng tuy sống chung cùng một nhà nhưng hai bên sống ly thân, không ai nói chuyện với ai. Do cuộc sống vợ chồng căng thẳng nên đến cuối năm 2016 chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở. Anh có vài lần sang tìm đón để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị T không về. Kể từ đó đến nay anh chị sống ly thân, cắt đứt mọi quan hệ cả về tình cảm và kinh tế. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể hàn gắn đoàn tụ được, chị T xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh Phạm Thanh B và chị Đỗ Thị Ngọc T cùng xác định vợ chồng có 01 con chung là Phạm Đỗ Anh K, sinh ngày 24/12/2012. Hiện nay cháu đang ở cùng với anh B. Nay ly hôn hai bên cùng có nguyện vọng giao cháu K cho anh B được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh B tự nguyện không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Đỗ Thị Ngọc T vẫn giữ nguyên quan điểm, không đề nghị Tòa án giải quyết nội dung nào khác.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định của Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 56,81,82,83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của UBTVQH.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị Ngọc T được ly hôn anh Phạm Thanh B.

Về con chung: Giao con chung là Phạm Đỗ Anh K, sinh ngày 24/12/2012 cho anh Phạm Thanh B được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Chấp nhận sự tự nguyện của anh B về việc không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Không đặt ra việc giải quyết.

Về án phí: Chị Đỗ Thị Ngọc T phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn là anh Phạm Thanh B đã được triệu tập hợp lệ và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt anh Bình.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Ngọc T và anh Phạm Thanh B được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên có nhiều bất đồng về tính cách và quan điểm sống nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2017 đến nay, cắt đứt mọi quan hệ cả về tình cảm và kinh tế. Chị T và anh B cùng nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không còn tiếng nói chung để xây dựng hạnh phúc gia đình. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa anh chị T và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị được ly hôn anh B là có căn cứ.

[3] Về con chung: Chị Đỗ Thị Ngọc T và anh Phạm Thanh B cùng xác định vợ chồng có 01 con chung là Phạm Đỗ Anh K, sinh ngày 24/12/2012. Hiện nay cháu Kiệt đang ở cùng với anh B. Hai bên cùng có nguyện vọng giao cháu K cho anh B được tiếp tục nuôi dưỡng. Xét nguyện vọng của các bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên giao cháu K cho anh B được trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh B về việc không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung, công nợ: Chị T và anh B không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Đỗ Thị Ngọc T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị Ngọc T được ly hôn anh Phạm Thanh B.

2. Về con chung: Giao con chung là Phạm Đỗ Anh K, sinh ngày 24/12/2012 cho anh Phạm Thanh B được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh B tự nguyện không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị Đỗ Thị Ngọc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ: Không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị Ngọc T phải nộp 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí ly hôn nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0001580 ngày 18/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kinh Môn. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Báo cho nguyên đơn được biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với bị đơn vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Kinh Môn;
- Chi cục THADS huyện Kinh Môn;
- UBND xã Long Xuyên;
- Lưu hồ sơ, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Nguyệt